



Họ tên thí sinh:..... Số báo danh:

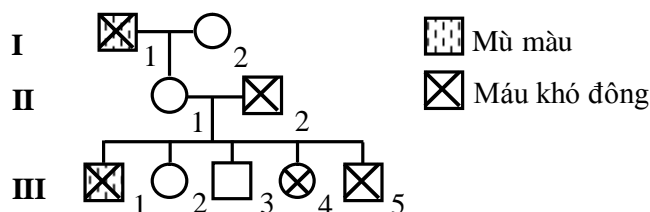
Câu 1: Giả sử một nhà chăn nuôi nhập khẩu 1500 con cừu, trong đó có 60 con lông nâu (aa), số còn lại là lông trắng (A-) để nuôi lấy lông bán. Ông cho đàn cừu giao phối tự do để sinh sản. Nhưng do khí hậu không thích hợp làm những con cừu lông nâu từ thế hệ sau đều bị chết. Biết màu lông do một cặp gen nằm trên nhiễm sắc thể thường qui định và màu nâu là tính trạng lặn. Tần số alen trội và lặn sau 2 thế hệ cho giao phối tự do là:

- A. A = 0,2; a = 0,8 B. A = 0,8; a = 0,2 C. A = 0,857; a = 0,143 D. A = 0,143; a = 0,857

Câu 2: Loài lúa mì hoang dại có gen quy định khả năng kháng bệnh gỉ sắt trên lá. Loài lúa mì trồng lại có gen mẫn cảm với bệnh gỉ sắt. Hai loài này họ hàng gần gũi nên có thể lai được với nhau và cho ra một số ít con lai có khả năng sinh sản. Hãy cho biết làm thế nào người ta có thể tạo ra được giống lúa mì trồng có gen kháng bệnh gỉ sắt từ lúa mì hoang dại nhưng lại có đầy đủ đặc điểm của lúa mì trồng?

- A. Lai tế bào xô ma rồi tiến hành chọn lọc.
 B. Cho cây F₁ lai trở lại với lúa mì trồng rồi chọn lọc nhiều lần.
 C. Gây đột biến ở cây lai F₁ rồi lai trở lại với lúa mì trồng và tiến hành chọn lọc.
 D. Gây đột biến đa bội ở con lai khác loài rồi chọn lọc.

Câu 3: Bệnh mù màu đỏ - lục và bệnh máu khó đông do hai gen lặn nằm trên nhiễm sắc thể X quy định, cách nhau 12 cM. Theo sơ đồ phả hệ bên,



Hiện nay, người phụ nữ II-1 lại đang mang thai, xác suất người phụ nữ này sinh một bé trai bình thường (không mắc cả hai bệnh di truyền trên) là bao nhiêu?

- A. 22% B. 44% C. 12% D. 36%

Câu 4: Trong công tác giống, việc tạo ưu thế lai có nhược điểm lớn nhất là:

- A. Duy trì dòng thuần. B. Tạo dòng thuần chủng.
 C. Tạo nguồn biến dị cho chọn lọc. D. Tìm kiếm tổ hợp gen cho ưu thế lai cao.

Câu 5: Ở cà chua gen R quy định quả màu đỏ là trội hoàn toàn so với gen r quy định quả màu vàng. Gen S kiểm soát sự tổng hợp chất diệp lục (khiến cho lá có màu xanh) là trội hoàn toàn so với gen s mất khả năng kiểm soát tổng hợp chất diệp lục (làm cho lá có màu vàng lưu huỳnh). Những cây có lá màu vàng lưu huỳnh đều chết ở giai đoạn mầm. Các cặp gen nằm trên 2 cặp NST tương đồng khác nhau. Người ta đem lai cây quả đỏ với cây quả đỏ thu được 305 cây quả đỏ và 102 cây quả vàng. Kiểu gen của các cây ở thế hệ xuất phát là:

- A. SsRr x Ssrr B. SsRr x SSrr C. SsRr x SsRr D. SSRr x SsRr

Câu 6: Hiện tượng trội đạt lục địa là một trong những yếu tố để phân chia thời gian địa chất vì:

- A. nó ảnh hưởng đến điều kiện khí hậu của trái đất và phát tán, tiến hóa, tuyệt chủng của nhiều loài sinh vật.
 B. nó ảnh hưởng đến điều kiện khí hậu của trái đất và phát tán, tiến hóa của sinh vật.
 C. nó ảnh hưởng đến điều kiện khí hậu của trái đất và sự tiến hóa của sinh vật.
 D. nó làm xuất hiện các dãy núi, động đất, sóng thần dẫn đến tuyệt chủng của nhiều loài sinh vật.

Câu 7: Các loài động vật như: tê giác, muỗi, gấu trúc, hổ, voi, chuột, ruồi. Quần thể nào có khả năng phục hồi chậm nếu kích thước của quần thể bị suy giảm?

- A. tê giác, muỗi, gấu trúc, hổ, voi B. tê giác, gấu trúc, hổ, voi

C. tê giác, gấu trúc, hổ, chuột.

D. tê giác, hổ, voi.

Câu 8: Đột biến điểm xảy ra ở gen làm cho prôtêin enzim được tổng hợp từ gen này mất hoạt tính. Nhiều khả năng nhất đó là loại đột biến

A. thay thế một cặp nuclêôtit ở cặp nuclêôtit thứ nhất của một triplet trong vùng mã hóa ở đoạn giữa của gen.

B. thay thế một cặp nuclêôtit ở cặp nuclêôtit thứ ba ở mã mở đầu của gen.

C. thay thế một cặp nuclêôtit ở cặp nuclêôtit thứ nhất ở mã mở đầu của gen.

D. thay thế một cặp nuclêôtit ở cặp nuclêôtit thứ ba của một triplet trong vùng mã hóa ở đoạn giữa của gen.

Câu 9: Nguyên nhân làm cho tính trạng do gen nằm trong tế bào chất di truyền theo một cách thức rất đặc biệt là

A. Gen nằm trong tế bào chất ở giao tử cái luôn ở trạng thái trội hơn so với gen trong tế bào chất của giao tử đực.

B. Giao tử đực không góp gen nằm trong tế bào chất cho hợp tử.

C. ADN trong tế bào chất thường là mạch vòng.

D. Giao tử cái góp lượng gen trong tế bào chất nhiều hơn gen trong tế bào chất của giao tử đực.

Câu 10: Một tế bào chứa một cặp NST có 3 cặp gen dị hợp $\frac{AbD}{aBd}$, khi giảm phân tạo tinh trùng, có xảy ra trao đổi chéo NST đơn và trao đổi chéo kép, có thể tạo bao nhiêu loại giao tử, thành phần gen của các loại tinh trùng có thể như thế nào?

A. Bốn tinh trùng: trong đó 2 tinh trùng có thành phần gen liên kết: $\underline{AbD} = \underline{aBd}$ và hai tinh trùng có thành phần gen do hoán vị: $\underline{abD} = \underline{ABd}$ hoặc $\underline{Abd} = \underline{aBD}$ hoặc $\underline{abd} = \underline{ABD}$.

B. Tám loại tinh trùng: trong đó 2 tinh trùng có thành phần gen liên kết: $\underline{AbD} = \underline{aBd}$ các tinh trùng có thành phần gen do hoán vị: $\underline{abD} = \underline{ABd}$; $\underline{Abd} = \underline{aBD}$; $\underline{abd} = \underline{ABD}$.

C. Tám loại tinh trùng, trong đó 4 loại có thành phần gen liên kết: $\underline{AbD} = \underline{ABd} = \underline{abD} = \underline{abd}$ và 4 loại có thành phần do hoán vị gen: $\underline{ABD} = \underline{Abd} = \underline{aBD} = \underline{abd}$

D. Tám tinh trùng có tỷ lệ bằng nhau: $\underline{AbD} = \underline{ABd} = \underline{abD} = \underline{abd} = \underline{ABD} = \underline{Abd} = \underline{aBD} = \underline{aBd}$

Câu 11: Dáng đứng thẳng có vai trò quan trọng làm cho loài người có sự khác biệt cơ bản với động vật là

A. Hình thành bàn tay con người là cơ quan lao động.

B. Hình thành bàn tay con người là sản phẩm của lao động.

C. Hình thành bàn tay con người là cơ quan thực hiện hoạt động chế tạo công cụ theo mục đích.

D. Hình thành bàn tay con người giúp con người có bộ não có khả năng tư duy.

Câu 12: Khi giao phối ruồi giấm cái có cánh chẻ với ruồi đực cánh bình thường thì thu được 42 con cái có cánh chẻ, 41 con cái có cánh bình thường, 43 con đực có cánh bình thường, cho biết hình dạng cánh do 1 cặp alen chi phối. Nhận định nào sau đây đúng với kết quả của phép lai trên?

A. Cánh chẻ do alen lặn quy định, gen nằm trên NST X, gen lặn gây chết khi gặp NST Y.

B. Cánh chẻ do alen lặn quy định, gen nằm trên NST Y, gen lặn gây chết khi gặp NST X.

C. Cánh chẻ do alen trội quy định, gen nằm trên NST Y, gen lặn gây chết khi gặp NST X.

D. Cánh chẻ do alen trội quy định, gen nằm trên NST X, gen trội gây chết khi gặp NST Y.

Câu 13: Cơ thể có kiểu gen $\frac{AbD}{aBd}$, khi giảm phân có xảy ra trao đổi chéo NST với tần số TĐC vùng

$A/b = 20\%$; TĐC vùng $D/b = 18\%$; TĐC kép 4% , có thể tạo

A. hai loại giao tử với tỷ lệ 50%

B. 8 loại giao tử: $\underline{AbD} = \underline{aBd} = 29\%$; $\underline{abD} = \underline{ABd} = 10\%$; $\underline{Abd} = \underline{aBD} = 9\%$; $\underline{abd} = \underline{ABD} = 2\%$.

C. 8 loại giao tử với tỷ lệ 12,5%

D. 8 loại giao tử trong đó: $\underline{AbD} = \underline{ABd} = \underline{abD} = \underline{abd} = 14,5\%$ và $\underline{ABD} = \underline{Abd} = \underline{aBD} = \underline{aBd} = 10,5\%$

Câu 14: Ở một loài thực vật, khi đem lai hai cơ thể thuần chủng về các tính trạng thân cao (A), quả tròn (B), màu hoa đỏ (D) với cây có thân thấp (a), quả bầu dục (b), màu hoa trắng (d) được F_1 tất cả các cây đều cho tính trạng thân cao, quả tròn, màu hoa đỏ. Đem tự thụ phấn các cây F_1 , F_2 thu được: 901 cao, tròn, đỏ; 302 cao, tròn, trắng; 300 thấp, bầu dục, đỏ; 102 thấp, bầu dục, trắng. Biết mỗi gen quy định một tính trạng. Phép lai nào sau đây tạo ra kết quả nói trên?

A. $AaBbDd \times AaBbDd$

B. $\frac{ABD}{abd}$

C. $\frac{Ab}{aB}Dd \times \frac{Ab}{aB}Dd$

D. $\frac{AB}{ab}Dd \times \frac{AB}{ab}Dd$

Câu 15: Ở một loài thực vật, alen A quy định hoa đỏ, a quy định hoa trắng. Khi tự thụ phấn cây hoa đỏ người ta thu được 159 cây cho hoa đỏ và 40 cây cho hoa trắng. Kiểu gen và tỷ lệ kiểu gen của cây thuộc thế hệ xuất phát là:

A. Aa (100%)

B. 20% (AA) 80% (Aa)

C. AA (100%)

D. 25% (AA) 75% (Aa)

Câu 16: Theo quan điểm của Đacuyn, sự hình thành cổ dài của hươu cao cổ được giải thích như thế nào?

A. Trong đàn hươu cổ ngắn xuất hiện một con cổ dài, con cổ dài lấy thức ăn tốt hơn nên sống sót và sinh sản

B. Hươu đứng dưới đất để gặm lá, lá cao dần nên chúng cố gắng vươn cao cổ để lấy thức ăn.

C. Trong các hươu non sinh ra, có con cổ dài có con cổ ngắn, những con cổ dài lấy thức ăn tốt hơn nên sống sót và con cháu ngày một đông.

D. Trong đàn hươu cổ ngắn có thể xuất hiện một ít con cổ dài, con cổ dài lấy thức ăn tốt hơn nên sống sót và sinh sản.

Câu 17: Đặc điểm nào sau đây của cây ưa sáng?

A. Cây to cao, lá to xếp xen kẽ nhau, lục lạp nằm sâu trong thịt lá.

B. Cây to cao, lá nằm xiên, lục lạp nằm sâu trong thịt lá.

C. Cây to cao, phiến dày, mô giậu phát triển, lá xếp nghiêng.

D. Cây nhỏ, lá to xếp xen kẽ nhau, màu sẫm, lục lạp nằm sát biểu bì lá.

Câu 18: Vùng đầu mút NST có tác dụng

A. làm cho các NST không dính vào nhau.

B. khởi đầu nhân đôi ADN.

C. bảo vệ và làm cho các NST không dính vào nhau.

D. bảo vệ các NST.

Câu 19: Các thao tác nào sử dụng trong nhân bản vô tính: I. Tách nhân của tế bào sinh dưỡng của con vật cần nhân bản; II. Lấy nhân hoặc hủy nhân của tế bào trứng của con vật cần nuôi phôi; III. Cắt gen cần chuyển ra khỏi tế bào; IV. Tạo tế bào 2n của con vật nhân bản; V. Nuôi tế bào 2n trong ống nghiệm; VI. Nối gen đã cắt vào ADN tế bào nhận; VII. Cây phôi vào tử cung của con cái mang thai và sinh đẻ.

A. I, III, VI, IV, V, VII

B. I, II, IV, V, VII

C. I, II, IV, V, III, VI

D. I, II, IV, V, III, VI, VII

Câu 20: Khi lai hai nòi ruồi giấm thuần chủng về các tính trạng trong thí nghiệm của Moóc gan về màu mắt và màu thân, trong đó ruồi cái thân xám, mắt trắng lai với ruồi đực thân đen, mắt đỏ. Kết quả nào sau đây thể hiện kết quả của phép lai trên?

A. 3 xám, đỏ : 1 đen, trắng.

B. 1 xám, đỏ : 1 xám, trắng.

C. 3 xám, trắng : 1 xám, đỏ.

D. 1 xám, đỏ : 1 đen, trắng.

Câu 21: Trong một quần thể ngẫu phối, tần số alen lặn (có hại) càng thấp thì tương quan về tần số giữa kiểu gen dị hợp với đồng hợp lặn phản ánh điều gì?

A. Trong quần thể tỷ lệ dị hợp ngày càng thấp, kiểu hình lặn ngày càng chiếm ưu thế.

B. Trong quần thể tỷ lệ dị hợp ngày càng thấp, kiểu hình trội ngày càng chiếm ưu thế.

C. Trong quần thể tỷ lệ dị hợp ngày càng cao, kiểu hình lặn ngày càng chiếm ưu thế.

D. Trong quần thể tỷ lệ dị hợp ngày càng cao, kiểu hình trội ngày càng chiếm ưu thế.

Câu 22: Một loài thực vật giao phối tự do có gen D quy định hạt tròn là trội hoàn toàn so với d quy định hạt dài. R quy định hạt đỏ là trội hoàn toàn so với r quy định hạt trắng, hai cặp gen phân li độc lập. Khi thu hoạch ở một quần thể cân bằng di truyền, người ta thu được 14,25% hạt tròn,đỏ; 4,75% hạt tròn, trắng; 60,75% hạt dài, đỏ; 20,25% hạt dài, trắng. Nếu vụ sau mang tất cả các hạt có kiểu hình dài, đỏ ra trồng thì tỷ lệ kiểu hình mong đợi khi thu hoạch sẽ như thế nào?

A. Tỷ lệ cây hạt dài, trắng ddr = 4/9 và hạt dài đỏ: ddR- = 5/9.

B. Tỷ lệ cây hạt dài, trắng ddr = 5/9 và hạt dài đỏ: ddR- = 4/9.

C. Tỷ lệ cây hạt dài, trắng ddr = 1/9 và hạt dài đỏ: ddR- = 8/9.

D. Tỷ lệ cây hạt dài, trắng ddr = 8/9 và hạt dài đỏ: ddR- = 1/9.

Câu 23: Ở người, bệnh mù màu do alen lặn a nằm trên NST giới tính X ở đoạn không tương đồng với NST Y, Bệnh bạch tạng do gen lặn b nằm trên NST thường quy định. Các nhóm máu do một gen gồm 3 alen nằm trên một cặp NST thường khác quy định. Số kiểu giao phối nhiều nhất có thể có trong quần thể người là

C. nuclêôxôm → sợi chất nhiễm sắc → siêu xoắn → sợi cơ bản → Crômatit.

D. nuclêôxôm → sợi cơ bản → sợi chất nhiễm sắc → siêu xoắn → Crômatit.

Câu 34: Cách li địa lí

A. không nhất thiết dẫn đến hình thành loài mới vì loài mới chỉ hình thành nếu có sự khác biệt về vốn gen dần dần dẫn đến sự cách li sinh sản.

B. nhất thiết dẫn đến hình thành loài mới vì loài mới.

C. nhất thiết dẫn đến hình thành loài mới vì cách li địa lí sẽ hình thành sự khác biệt về vốn gen dần dần dẫn đến sự cách li sinh sản.

D. không nhất thiết dẫn đến hình thành loài mới vì loài mới chỉ hình thành nếu có sự khác biệt về vốn gen với quần thể gốc.

Câu 35: Cho tự thụ phân các cây có kiểu hình hoa đỏ, quả tròn F₁ thu được tỷ lệ kiểu hình: 9 đỏ, tròn: 6 trắng, dài: 1 trắng, bầu dục. Kiểu gen của cây P là:

A. AaBbDdEeHh

B. $\frac{AB}{ab} \frac{dE}{De}$

C. $\frac{AB}{ab} Dd$

D. AaBbDd

Câu 36: Trong môi trường nuôi cấy vi khuẩn E.coli khi có lactozơ, hoạt động nào sau đây sẽ được xảy ra?

A. Lactozơ liên kết với prôtêin ức chế như một ức chế không cạnh tranh → gen cấu trúc phiên mã tạo mARN.

B. Lactozơ liên kết với prôtêin ức chế như một ức chế không cạnh tranh → gen cấu trúc phiên mã và dịch mã tạo Protein Z, Protein Y, protein A.

C. Gen R sản xuất prôtêin ức chế → protein ức chế liên kết với vùng O → ức chế phiên mã của gen cấu trúc Z, Y, A.

D. Lactozơ liên kết với prôtêin ức chế như một ức chế cạnh tranh → gen cấu trúc phiên mã và dịch mã tạo Protein Z, Protein Y, protein A.

Câu 37: Gà, hươu, nai có số lượng cá thể cái thường gấp đôi hoặc gấp ba lần số cá thể đực. Có hiện tượng này là do

A. đặc điểm sinh sản và tập tính đa thê ở động vật.

B. tập tính đa thê ở động vật.

C. đặc điểm sinh sản ở các động vật này.

D. giới tính có thể thay đổi do nhân tố bên trong như di truyền hoặc hoóc môn của các loài khác nhau.

Câu 38: Khi lai hai nòi thỏ thuần chủng: Thỏ cái có mắt hoang dại, lông hoang dại, tai to với thỏ đực có mắt mơ, lông xám, tai nhỏ được các thỏ F₁ đều có mắt và lông hoang dại, tai to. Giao phối các con đực và cái F₁ được F₂ cho kết quả:

60 cái mắt hoang dại, lông hoang dại, tai to; 32 đực mắt hoang dại, lông hoang dại, tai to; 31 đực mắt mơ, lông xám, tai to; 22 cái mắt hoang dại, lông hoang dại, tai nhỏ; 11 đực mắt hoang dại, lông hoang dại, tai nhỏ; 10 đực mơ, lông xám, tai nhỏ. Kiểu gen của F₁ trong phép lai trên là gì?

A. $\frac{AB}{ab} Dd \times \frac{AB}{ab} Dd$

B. $X_b^A X_B^a Dd \times X_B^A Y Dd$

C. $X_b^A X_B^a Dd \times X_b^A Y Dd$

D. $X_B^A X_b^a Dd \times X_B^A Y Dd$

Câu 39: Các thao tác thí nghiệm sau:

1. Lai các cây đậu hạt vàng thuần chủng với đậu hạt xanh thuần chủng, rồi cho tự thụ phân cây F₁, F₂.

2. Trồng riêng rẽ từng cây đậu ở ô thí nghiệm.

3. Tính tỷ lệ hạt có màu vàng so với màu xanh.

Đếm số hạt đậu màu vàng và màu xanh.

Trình tự nào được thực hiện trong phương pháp lai và phân tích cơ thể lai của Mendel?

A. 2 → 4 → 1 → 3

B. 2 → 3 → 1 → 4

C. 2 → 1 → 3 → 4

D. 2 → 1 → 4 → 3

Câu 40: Làm thế nào có thể chứng minh được hai gen có khoảng cách 50cM lại nằm trên cùng một cặp NST tương đồng?

A. Lai phân tích, nếu hai gen liên kết không hoàn toàn tạo 4 loại kiểu hình có tỷ lệ không bằng nhau.

B. Bằng cách sử dụng một gen thứ ba (C) nằm giữa hai gen nghiên cứu nếu biết được tần số hoán vị giữa gen A và C và giữa B và C, khi đó ta xác định được A và B nằm trên cùng một cặp NST.

C. Lai hai cơ thể dị hợp tử hai cặp gen trên sẽ xác định được hai gen đó phân li độc lập hay liên kết.

D. Sử dụng gen thứ ba phân li độc lập với hai gen nghiên cứu.

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

Câu 41: Ở người hội chứng bệnh đao là dạng có 3 NST 21, thể đột biến thường xuất hiện ở con của các bà mẹ sinh con ở tuổi trên 35. Nhiều khả năng nhất dạng đột biến này phát sinh do

- A. Cặp NST 21 phân li không bình thường trong giảm phân II của quá trình tạo trứng.
- B. Cặp NST 21 phân li không bình thường trong giảm phân I của quá trình tạo trứng.
- C. Cặp NST 21 phân li không bình thường trong giảm phân I của quá trình tạo trứng hoặc tinh trùng.
- D. Cặp NST 21 phân li không bình thường trong giảm phân II của quá trình tạo trứng hoặc tinh trùng.

Câu 42: Đem lai hai thứ lúa thuần chủng: thân cao, hạt gạo trong, kháng rầy với thân thấp, hạt gạo đục, không kháng rầy được F₁ đều có tính trạng thân cao, hạt gạo đục, kháng rầy. Khi tự thụ phấn các cây F₁ kết quả tỉ lệ kiểu hình thu được ở F₂: 3 cao, trong, kháng rầy: 6 cao, đục, kháng rầy: 3 thấp, đục, kháng rầy: 1 cao, trong, không kháng rầy: 2 cao, đục, không kháng rầy: 1 thấp đục, không kháng rầy. Biết mỗi gen quy định một tính trạng. Kiểu gen nào sau đây là của cơ thể F₁?

- A. AaBbDd
- B. $\frac{ABD}{abd}$
- C. $\frac{AB}{ab}Dd$
- D. $\frac{Ab}{aB}Dd$

Câu 43: Giả sử rằng có 2 loại cá thể mang kiểu hình khác biệt nhau tồn tại trong một quần thể hoang dại với tần số như nhau

Cá thể	Loại 1	Loại 2
Đực	90%	10%
Cái	99%	1%

Biết rằng sự khác biệt giữa 2 loại cá thể trên có di truyền. Kiểu hình chiếm 1% có kiểu gen nào là phù hợp nhất?

- A. X^aY
- B. X^aX^a
- C. aa
- D. X^AX^a

Câu 44: Đột biến cấu trúc NST góp phần tạo nên gen mới trong quá trình tiến hóa là

- A. Đảo đoạn
- B. Chuyển đoạn.
- C. Lặp đoạn
- D. Mất đoạn.

Câu 45: Điều nào sau đây là đúng?

- A. Môi trường thay đổi tạo nên đặc điểm thích nghi.
- B. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen chậm trong trường hợp alen trội có hại.
- C. Môi trường sàng lọc những biến dị có sẵn trong quần thể, không tạo ra các đặc điểm thích nghi.
- D. Chọn lọc tự nhiên làm thay đổi tần số alen nhanh trong trường hợp alen lặn có hại.

Câu 46: Các loài chim ăn hạt có mỏ ngắn và rộng, chim hút mật mỏ của nó thường dài và mảnh, chim ăn thịt có mỏ quặp, khỏe. các ví dụ trên thể hiện

- A. Ô sinh riêng.
- B. Ô sinh thái chung.
- C. Ô sinh thái dinh dưỡng.
- D. Ô sinh thái sinh sản.

Câu 47: Một ao nuôi cá, sau thu hoạch người ta vệ sinh ao để chuẩn bị cho việc nuôi tiếp cho vụ sau. Sau khi tháo nước vào, trong ao này có hiện tượng gì xảy ra?

- A. Biến động số lượng cá thể.
- B. Diễn thế nguyên sinh
- C. Diễn thế thứ sinh.
- D. Diễn thế sinh thái

Câu 48: Một ao cá nuôi bình thường thu hoạch được khoảng 2 tấn cá/ ha. Nếu ta bón cho nó thêm một lượng phân vô cơ vừa phải, theo em năng suất của ao này sẽ như thế nào? Tại sao như vậy?

- A. Tăng vì cung cấp thêm nguồn thức ăn cho tảo.
- B. Giảm vì làm ô nhiễm môi trường nước ao.
- C. Giảm vì gây ra hiện tượng nước nở hoa.
- D. Tăng vì cạnh tranh giữa động vật nổi ít khốc liệt hơn.

Câu 49: Sự truyền hạt phấn nhờ sâu bọ là ví dụ về

- A. Yếu tố ngẫu nhiên
- B. chọn lọc tự nhiên
- C. Đột biến
- D. Di nhập gen

Câu 50: Trong nhân tố hữu sinh tác động lên sinh vật, nhân tố nào sau đây làm cho môi trường suy thoái?

- A. Động vật ăn thịt
- B. Vật kí sinh
- C. Con người
- D. Các động vật cùng ăn một loại thức ăn.

TRUNG TÂM GIA SƯ, LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

Địa chỉ: Số 04 - Ngõ 03 - Đường Tân Hùng - Tp.Vinh

Điện thoại : 0917.638.972 – 0984.638.972

Email: trungtamgiasu.alpha@gmail.com

Website: giasualpha.edu.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/groups/giasualpha/>